TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN GIANG** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HS-ST
Ngày 25-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huấn.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Điệp và bà Phan Thị Hoa.
- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Nhật – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 25-01-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2024/TLST-HS ngày 02-01-2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HS ngày 12-01-2024 của Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, đối với bị cáo:

Lò Văn Q**, sinh năm 1983***;* Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKHKTT, nơi cư trú: Tổ T, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lò Văn P và con bà Hoàng Thị L; Có vợ là Lò Thị H, sinh năm 1986 (đã ly hôn); Có 01 người con, sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 30-4-2006, bị Công an phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi *"Trộm cắp tài sản"*, đã chấp hành xong Quyết định và đã hết thời hạn bị coi là có tiền sự; Bị tạm giữ từ ngày 27-9-2023 đến ngày 30-9-2023 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh H. *Có mặt*

Bị hại: Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1976; HKTT: thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên. *Vắng mặt*

Người làm chứng:
1. Anh Nguyễn Đức H1, sinh năm 1986; Địa chỉ: thôn C, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội.
2. Anh Đặng Văn T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Đ, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

3. Ông Hoàng Đình L1, sinh năm 1965; Địa chỉ: Đ, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

4. Ông Trần Kim T1, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số C T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

(Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lò Văn Q, sinh năm 1993, HKTT: Tổ T, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái, đến địa phận: xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên, để tìm việc làm trong công trường Khu đô thị S Do chưa tìm được việc, lại thường xuyên sử dụng trái phép chất ma túy nên Q đã nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu sài. Khoảng 11 giờ ngày 27-9-2023, Q mang theo 01 chùm chìa khóa (gồm 06 chiếc chìa khóa các loại được buộc với nhau bằng 1 dây chun màu trắng, trong đó có 1 chiếc kiểu chìa khóa xe mô tô Honda, do Q nhặt được từ trước, không xác định được vị trí) đến công trường Khu đô thị S, nhằm mục đích lấy trộm những chiếc xe mô tô do công nhân đi làm để tại công trường. Q đi đến đường T, thôn P, xã N, huyện V phát hiện ở lối vào khu đô thị có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, đeo biển số 43H3-2361 được xác định là của chị Lê Thị Đ, sinh năm 1976, HKTT: thôn T, xã N, huyện V dựng ở ven đường nhưng không có người trông coi. Q đã lén lút đi đến gần, dùng chìa khóa xe mô tô Honda trong chùm chìa khóa mang theo đưa vào ổ khóa và vặn, mở được khóa điện của xe. Sau đó, Q ngồi lên xe và điều khiển xe mô tô trên đi về phía xã L, huyện V. Khi đi được khoảng 30m thì Q bị anh Đặng Văn T, sinh năm 1993, HKTT: xã V, huyện V và anh Nguyễn Đức H1, sinh năm 1986, HKTT: xã K, huyện G, thành phố Hà Nội đều là bảo vệ của khu đô thị S phát hiện, đuổi theo, bắt giữ Q, thu giữ vật chứng là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, đeo biển số 43H3-2361, số khung 000438, số máy 00200438 đưa về Công an xã N lập biên bản vụ việc.

Cùng ngày, Công an xã N đã bàn giao người bị bắt và chiếc xe mô tô trên đến Cơ quan CSĐT Công an huyện V. Cơ quan điều tra đã đưa Q đến Trung tâm y tế huyện V để kiểm tra chất ma túy trong cơ thể cho kết quả dương tính. Đồng thời, Cơ quan CSĐT yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô nói trên. Tại bản kết luận định giá tài sản số 71/BKL-ĐGTS ngày 06/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận: Chiếc xe mô tô Honda, màu nâu đeo biển số: 43H3-2361, trị giá 2.300.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành tra cứu thông tin liên quan đến chiếc xe mô tô trên thì: Xe mô tô có số khung 000438 và số máy 02200438, có biển số là 43X7-0193 mang tên bà Trần Kim T1, sinh năm 1963, HKTT: Tổ D, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Bà T1 xác định năm 2012, bà T1 đã bán chiếc xe trên cho

người khác (không nhớ rõ tên tuổi, địa chỉ). Còn xe mô tô có biển số 43H3-23.61 thì số khung là 01040525, số máy là 00121725 chủ sở hữu đăng ký mang tên Võ Thị T2, sinh năm: 1982, HKTT: Tổ B, phường A, thành phố Đà Nẵng. Kết quả xác minh tại địa phương không có người có thông tin như nêu ở trên. Các xe với thông tin nêu trên đều không có trong cơ sở dữ liệu xe vật chứng do Bộ C quản lý. Còn bà Lê Thị Đ xác định mua chiếc xe trên từ một cửa hàng mua bán xe cũ ở thành phố Đà Nẵng, do thời gian đã lâu nên không nhớ được địa chỉ nơi bán và giấy tờ xe cũng đã làm mất trong quá trình sử dụng.

Quyết cũng khai nhận, trước đó có sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không nhớ rõ thời gian, vị trí sử dụng nên không có căn cứ để xử lý về hành vi này.

Vật chứng đã thu giữ chưa xử lý: 01 chiếc xe mô tô Honda Dream đeo biển số: 43H3-2361 và 01 chùm chìa khóa đã thu giữ như nêu ở trên.

Cáo trạng số 09/CT-VKSVG ngày 02-01-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Lò Văn Q về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thành khẩn nhận tội và khai báo diễn biến hành vi phạm tội như hành vi của bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên truy tố trong bản Cáo trạng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lò Văn Q phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h,i,s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Lò Văn Q từ 09 tháng đến 01 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 27-9-2023. Về vật chứng, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; tịch thu cho tiêu hủy 01 chùm chìa khóa; trả lại cho bà Lê Thị Đ 01 chiếc xe mô tô Honda Dream, biển số 43H3-2361. Về trách nhiệm dân sự, người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra giải quyết. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nhận thức được lỗi lầm của mình, ăn năn hối cải, xin được giảm nhẹ hình phạt và không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật và không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa: Vắng mặt, người bị hại và những người làm chứng. Qua xem xét sự vắng mặt của họ, Tòa án đã triệu tập, tống đạt hợp lệ nên xét thấy việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử và tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo không yêu cầu hoãn phiên tòa. Sau khi thảo luận tại phòng xử án, căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử thống nhất vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và được chứng minh bằng các chứng cứ khác như: Lời khai của người bị hại, người làm chứng; Kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ căn cứ kết luận: Hồi 11 giờ ngày 27-9-2023, tại Khu đô thị S, thuộc xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Lò Văn Q đã lén lút, bí mật chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Dream, biển số 43H3-2361, trị giá 2.300.000đ *(Hai triệu, ba trăm nghìn đồng)* của bà Lê Thị Đ, sinh năm 1976, HKTT: thôn T, xã N, huyện V thì bị lực lượng của khu đô thị phát hiện, bắt giữ.

Với hành vi nêu trên của Lò Văn Q đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang đã truy tố Lò Văn Q theo tội danh và điều luật áp dụng được thể hiện trong Cáo trạng số 09/CT-VKSVG ngày 02-01-2023 là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình nhưng cố ý phạm tội, thể hiện bị cáo không chịu rèn luyện bản thân nên cần xử lý nghiêm.

[4]. Đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

4.1.Về nhân thân: Bị cáo có nhân than xấu, thể hiện việc bị cáo là đối tượng nghiện chất ma tuý, đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản nhưng không chịu rèn luyện bản thân, tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

4.2. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

4.3. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội gây thiệt hại không lớn. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, với đặc điểm nhân thân cùng tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích, thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và phòng chống tội phạm nói chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy gia đình bị cáo khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về vật chứng, căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- 01 chùm chìa khóa là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội và là vật không có giá trị nên tịch thu cho tiêu hủy.

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển số 43H3-2361 là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Lê Thị Đ nên trả lại cho bà Đ chiếc xe mô tô nói trên.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng như theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05-01-2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện V *với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang)*

[8]. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Buộc Lò Văn Q phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố: Lò Văn Q phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

- Xử phạt: L2 *(chín)* tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 27-9-2023.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 chùm chìa khóa.

- Trả lại cho bà Lê Thị Đ, sinh năm sinh năm 1976; Địa chỉ: thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên, 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển số 43H3-2361.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng như theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05-01-2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện V *với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang)*

3. Về án phí: Buộc Lò Văn Q phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25-01-2024). Bị hại *(vắng mặt)* có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKS, CA, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKS, Công an huyện Văn Giang;
- Chi cục THADS huyện Văn Giang;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Huấn